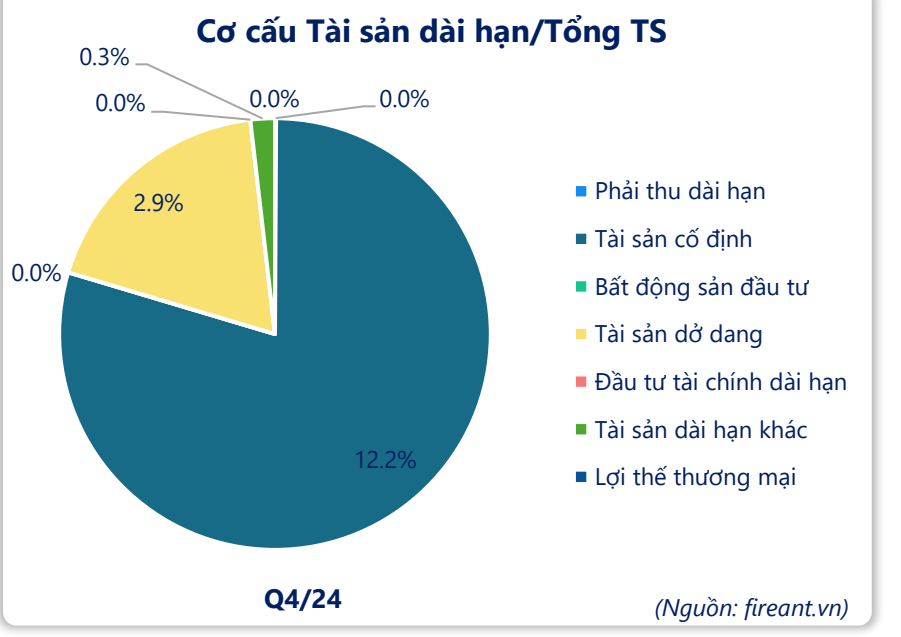
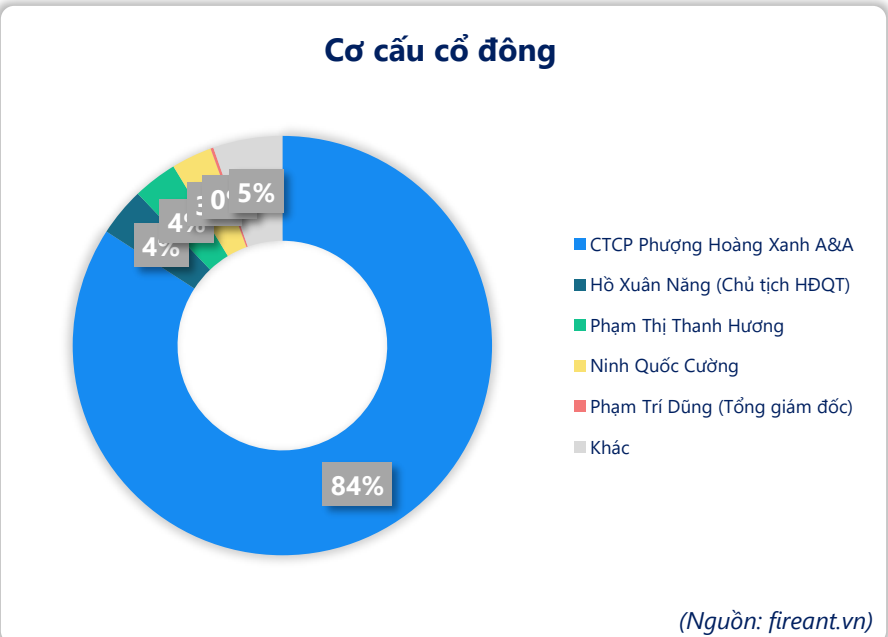
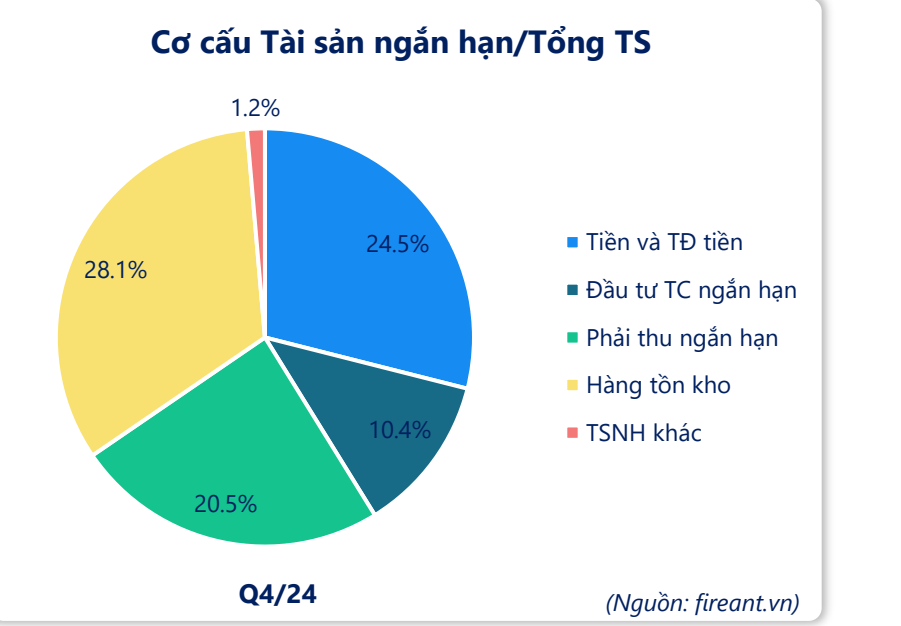
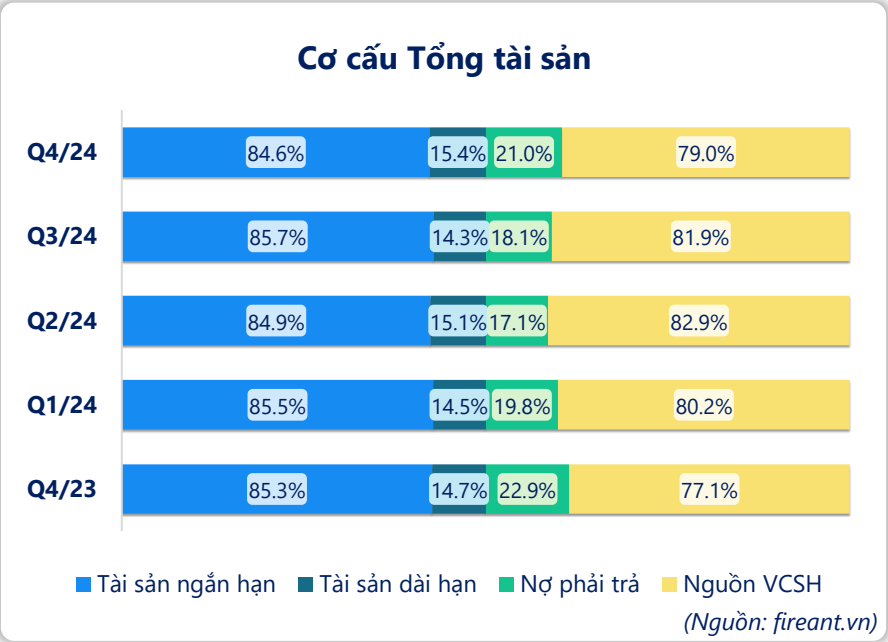
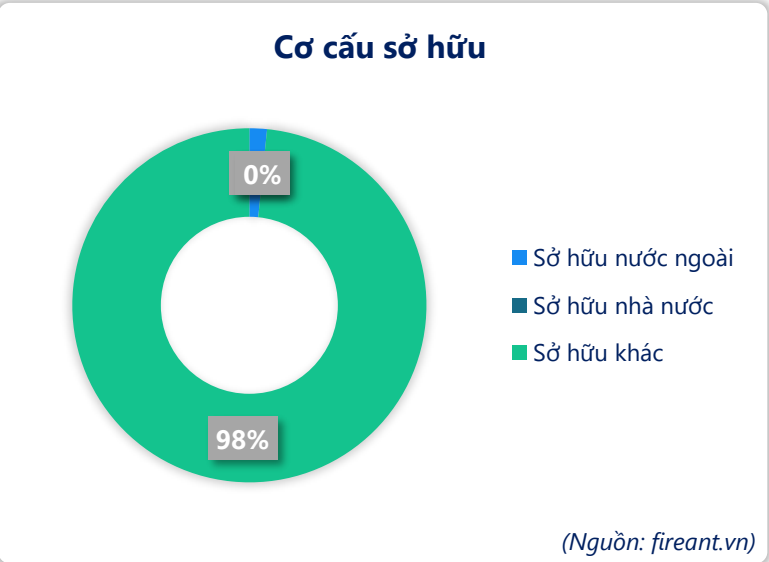
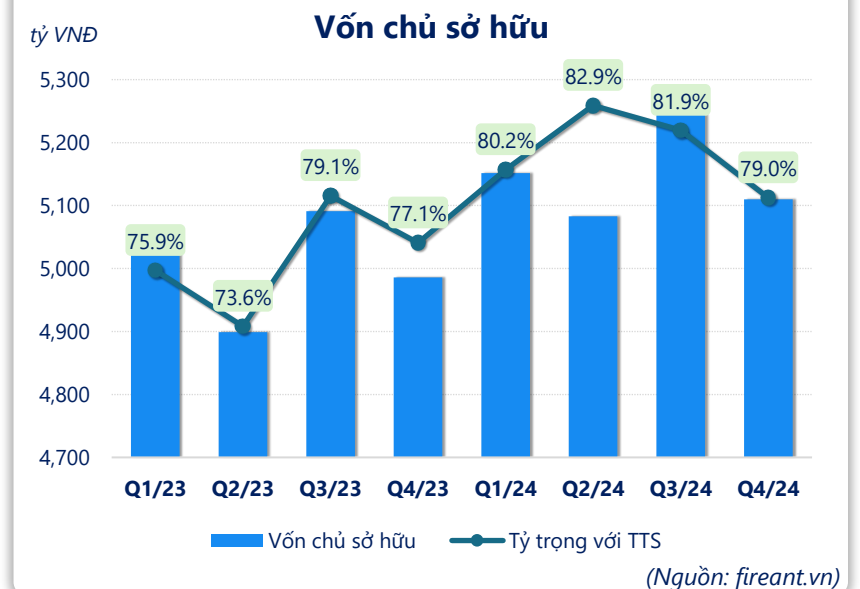
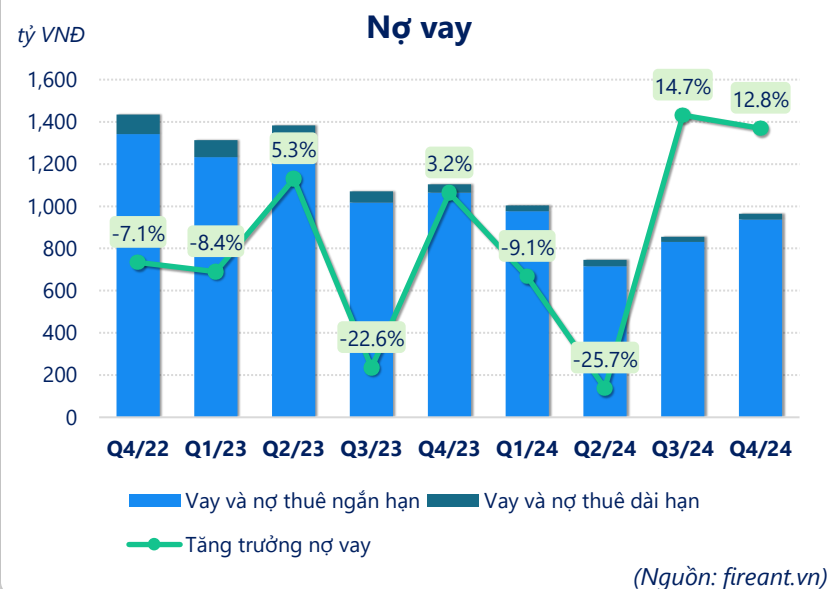
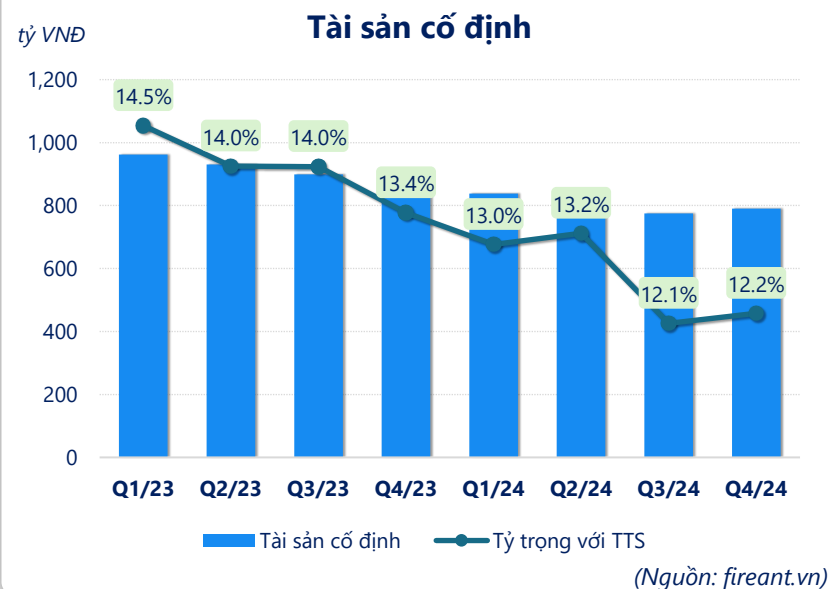
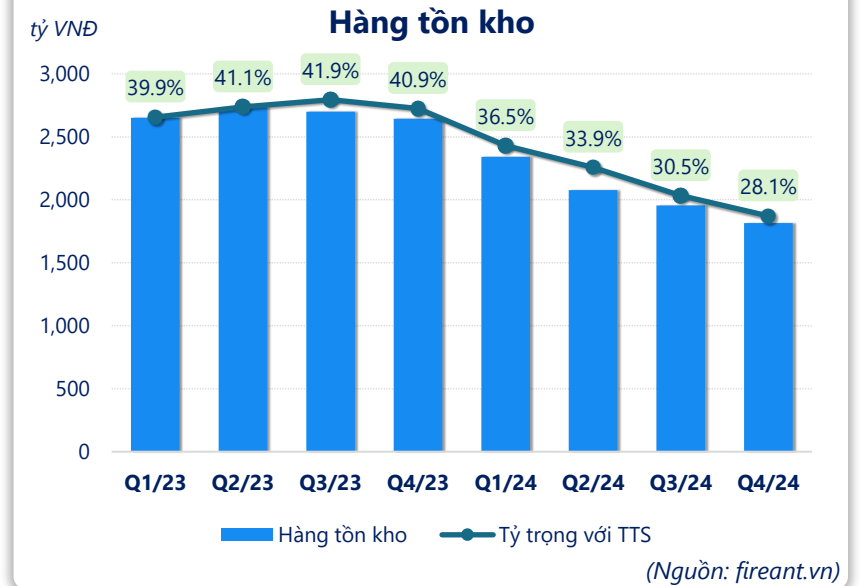
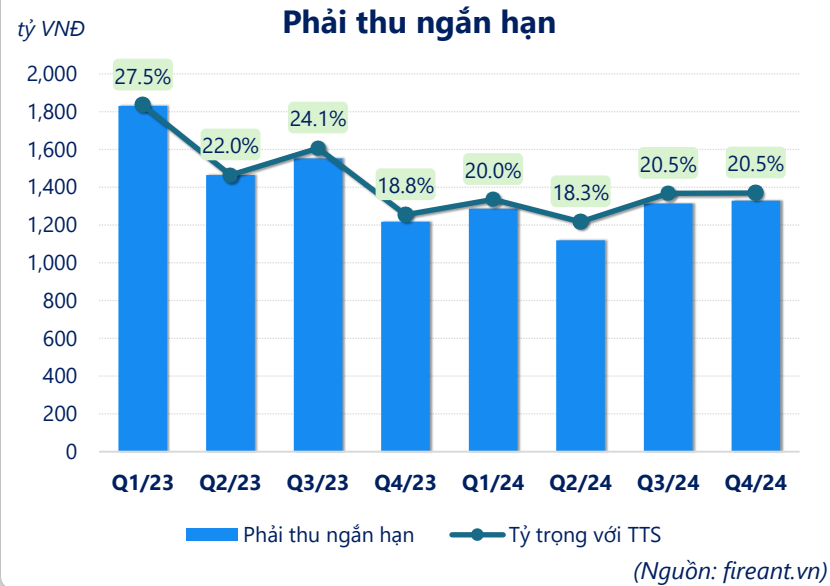
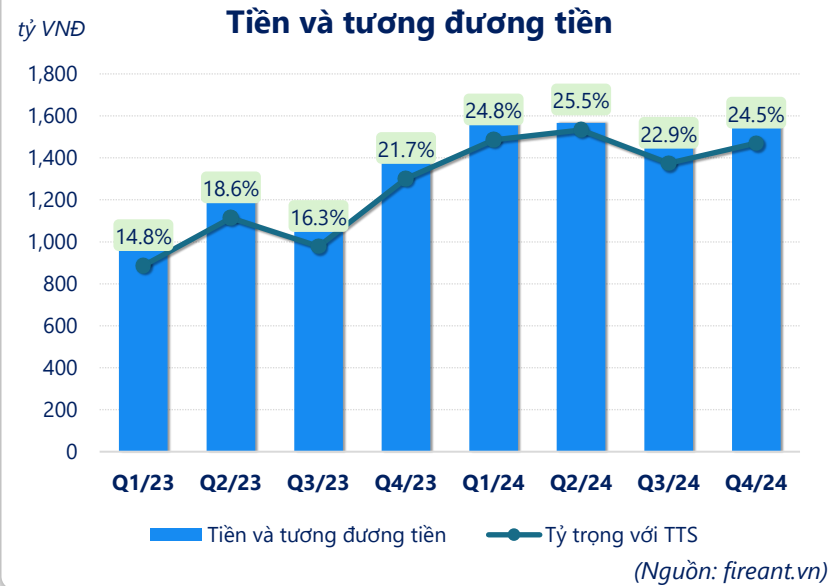
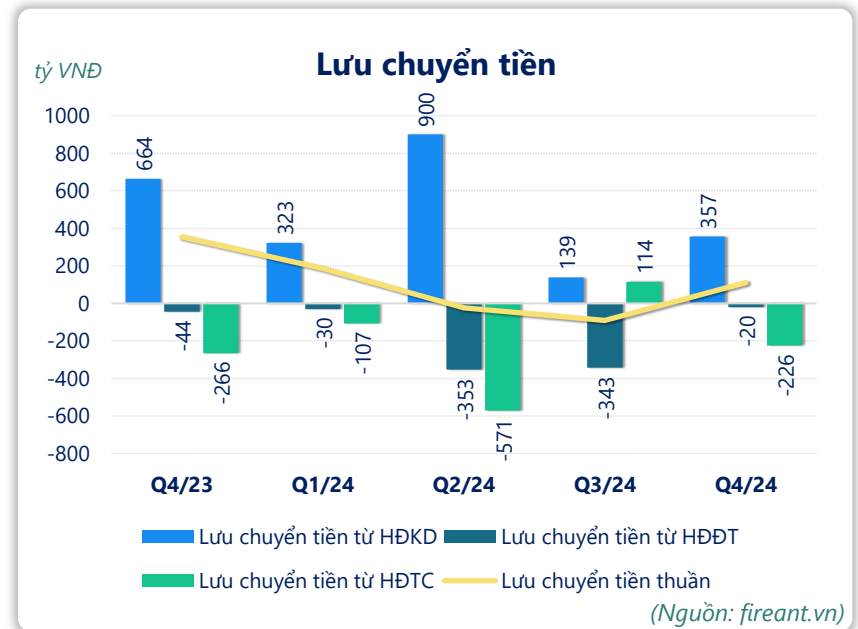
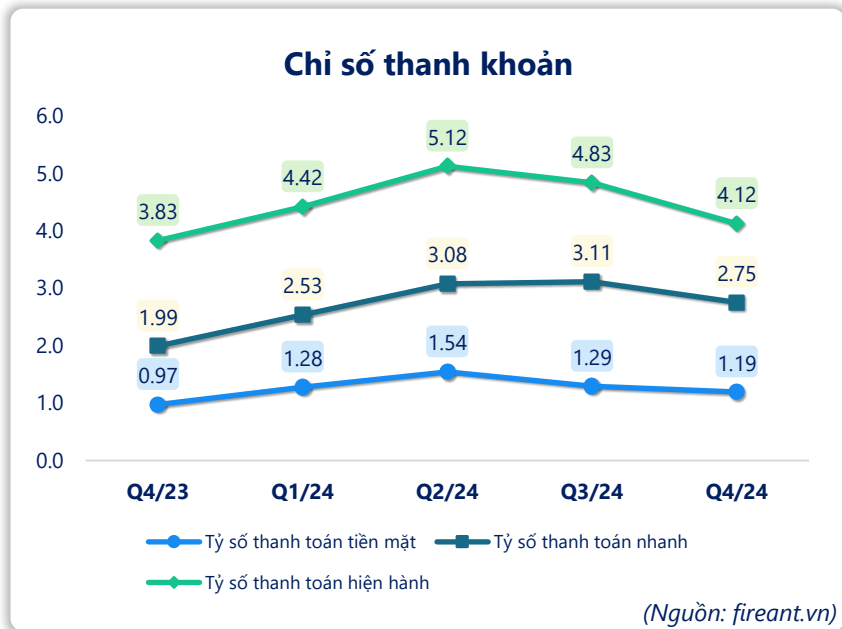
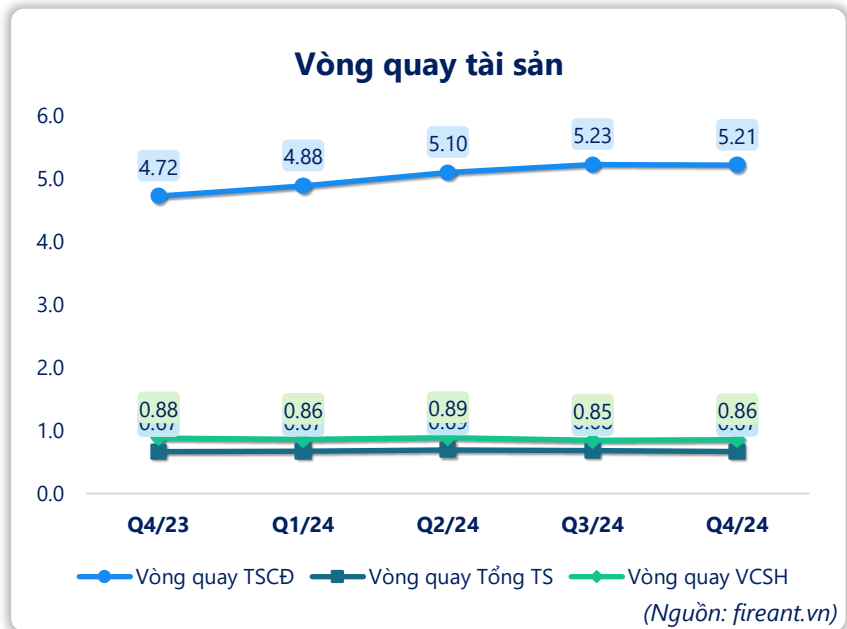
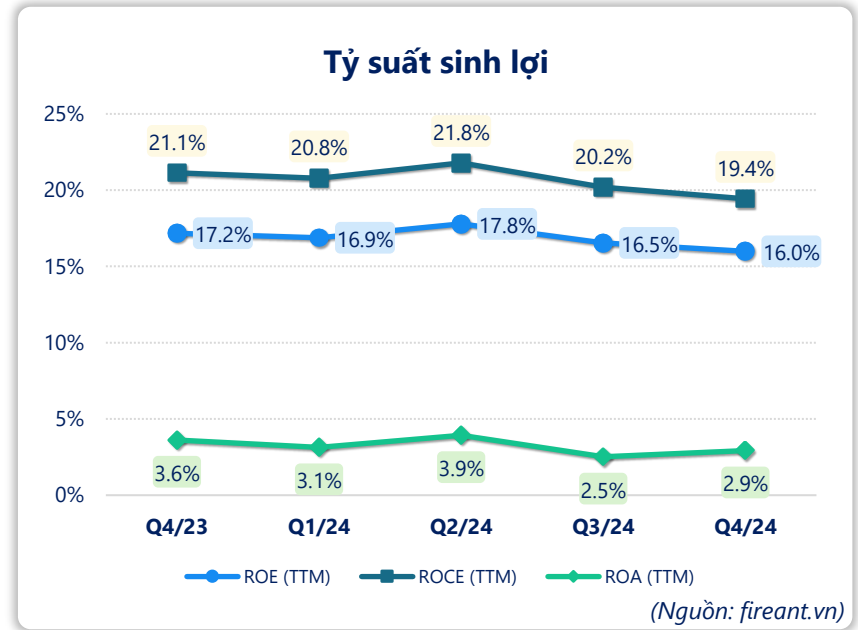
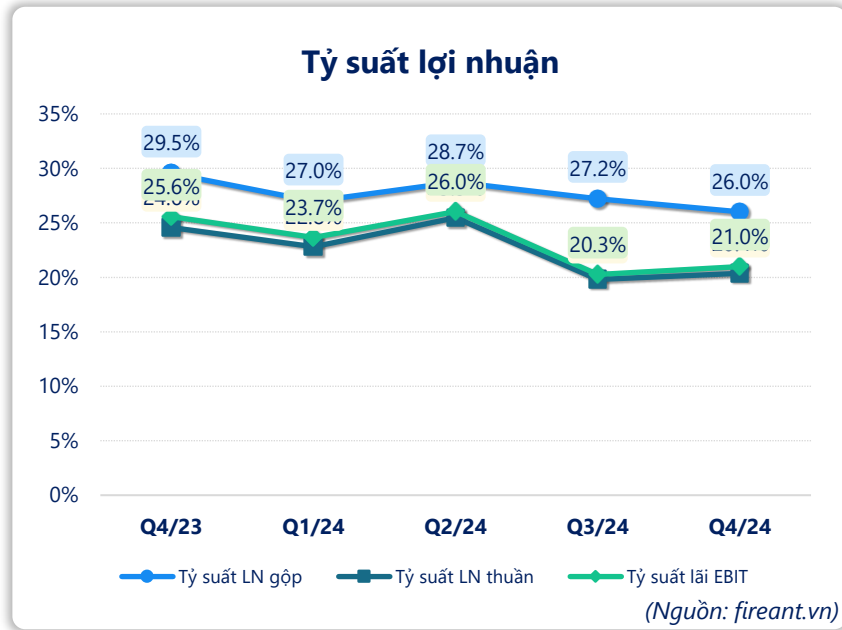
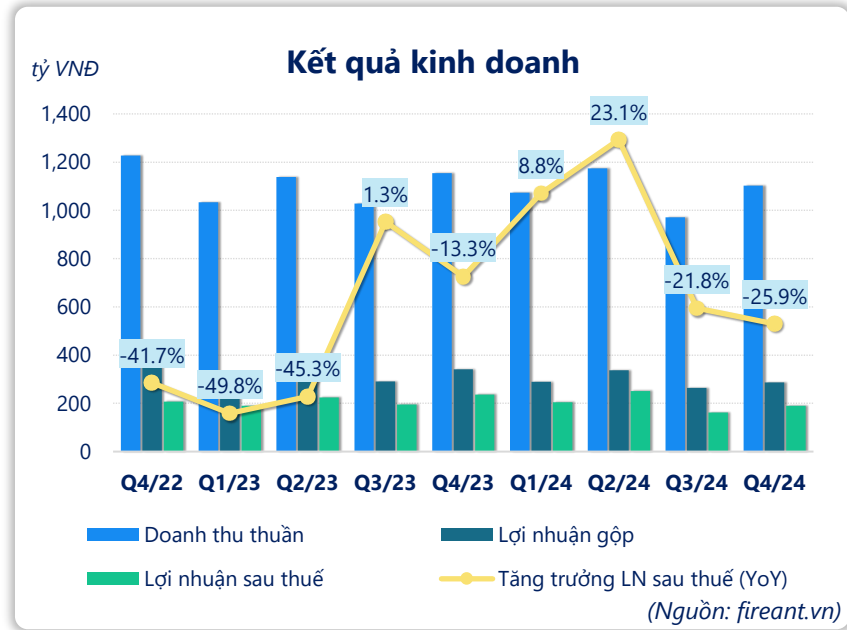


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		63,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		80,244
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		51,748
SL cổ phiếu LH		160,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		250,175
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10,160
P/E		12.6
EPS		5,045

	YTD	1T	3T	6T
VCS		-1.6%	5.5%	-13.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,468	6,468	0.0%
Tài sản ngắn hạn	5,475	5,516	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	1,585	1,403	12.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	670	47.7	1305%
Phải thu ngắn hạn	1,329	1,217	9.2%
Hàng tồn kho	1,816	2,644	-31.3%
Tài sản ngắn hạn khác	75.1	204	-63.2%
Tài sản dài hạn	994	952	4.3%
Phải thu dài hạn	0.84	0	
Tài sản cố định	790	868	-8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	67.3	174%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.2	17.4	4.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,359	1,482	-8.3%
Nợ ngắn hạn	1,328	1,441	-7.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	936	1,064	-12.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	183	118	54.5%
Nợ dài hạn	30.7	41.7	-26.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	28.8	39.9	-27.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,110	4,986	2.5%
Vốn chủ sở hữu	5,110	4,986	2.5%
Vốn điều lệ	1,600	1,600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1,154	1,074	1,174	972	1,102
Giá vốn hàng bán	813	784	837	707	816
Lợi nhuận gộp	341	290	337	264	287
Doanh thu HĐTC	23.7	18.6	43.3	15.8	24.8
Chi phí TC	21.6	11.5	13.6	20.9	16.3
Chi phí lãi vay	13.5	10.4	7.73	7.62	8.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	44.5	37.8	50.6	52.0	51.2
Chi phí QLDN	15.0	14.0	17.4	14.8	19.6
LN thuần từ HĐKD	283	245	299	192	224
Lợi nhuận khác	-1.87	-1.25	-1.12	-3.20	-1.73
LN trước thuế	281	244	298	189	223
Lợi nhuận sau thuế	237	205	251	162	189
LNST của CĐ cty mẹ	237	205	251	162	189

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	664	323	900	139	357
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.5	-30.3	-353	-343	-20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-266	-107	-571	114	-226
Tiền đầu kỳ	1,049	1,403	1,590	1,566	1,467
Lưu chuyển tiền thuần	354	186	-24.0	-90.8	111
Ảnh hưởng tỷ giá	0.34	1.62	-0.15	-8.04	6.20
Tiền cuối kỳ	1,403	1,590	1,566	1,467	1,585

(Nguồn: fireant.vn)